

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 5 - 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Xuân

Ông Nguyễn Quốc Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Khánh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2019/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn D2, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần H, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn D 2, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/10/2019, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Dương Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần H kết hôn từ năm 2007, anh chị có được tìm hiểu yêu thương, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2013 do bất đồng quan điểm sống nên hai vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay, chị xác định không còn tình cảm gì với anh H nữa, chị xin được ly hôn với anh.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị và anh H có 01 con chung là Trần Văn H, sinh ngày 07/4/2008, hiện cháu đang sống cùng bà nội là Hầu Thị O và anh H. Khi ly hôn chị xin được quyền nuôi con, chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Theo biên bản ghi lời khai, bị đơn anh Trần H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và Dương Thị L kết hôn từ năm 2007, anh chị có được tìm hiểu yêu thương, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2013 thì chị L đã bỏ đi làm, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong cuộc sống hàng ngày anh và chị L không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng, anh chỉ hay uống rượu say về không làm chủ được bản thân, chị L và mẹ đẻ anh đã khuyên nhủ anh nhiều lần nhưng anh không bỏ được rượu. Nay, chị L xin ly hôn với anh, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L, anh đề nghị Tòa án giải quyết vợ chồng anh chị quay về đoàn tụ với nhau.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh và chị L có 01 con chung là Trần Văn H, sinh ngày 07/4/2008, hiện con đang ở với anh và mẹ đẻ anh là bà Hầu Thị O. Khi ly hôn anh H xin được quyền nuôi con, anh yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 10.000.000đ.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật cơ bản đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ tố tụng của đương sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Điều 56, Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị L được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Trần Văn H, sinh ngày 07/4/2008 cho chị Dương Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Trần Văn H cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi, anh H không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm ở giai đoạn tố tụng: Việc gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử của Tòa án là không cần thiết, đề nghị lưu tại hồ sơ các tài liệu chứng minh đã giao gửi giấy triệu tập cho đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Dương Thị L, anh Trần H, tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của chị L, anh H không gây ảnh hưởng cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị Dương Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung nên xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Trần H có địa chỉ tại thôn D2, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định: Năm 2007, chị Dương Thị L và anh Trần H về chung sống với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Từ năm 2013 đến nay anh chị đã sống ly thân với nhau. Anh H mặc dù có nguyện vọng muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì để hóa giải mâu thuẫn. Cụ thể, chính anh cũng thừa nhận anh thường xuyên uống rượu say về không làm chủ được bản thân và anh cũng không bỏ được rượu. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận, tin tưởng, thương yêu nhau, mâu thuẫn giữa chị L và anh H đã trầm trọng, hai người không còn tiếng nói chung, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên xử cho chị L được ly hôn với anh H là có căn cứ. Vì vậy, Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị L. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống chị L, anh H có 01 con chung là Trần Văn H, sinh ngày 07/4/2008, hiện nay con chung đang ở cùng với anh H và bà Hầu Thị O là mẹ đẻ anh. Khi ly hôn cả chị L và anh H đều xin được nuôi con. Xét thấy, cả chị L và anh H đều không chứng minh gì về công việc, thu nhập thực tế, chỗ ở. Tuy nhiên, qua lời khai của bà Hầu Thị O (mẹ đẻ anh H) và cũng là người đang trực tiếp trông nom, chăm sóc cháu H thì hàng tháng chị L vẫn có trách nhiệm gửi tiền cho bà nuôi con, trung bình là 1.000.000đ. Anh H không có nghề nghiệp ổn định, chỉ ở nhà thỉnh thoảng mới đi làm thu nhập hàng tháng chỉ khoảng 500.000đ, lại thường xuyên uống rượu say. Hơn nữa, tại biên bản lấy nguyện vọng của cháu Trần Văn H ngày 07/02/2020, cháu H có nguyện vọng muốn được ở với mẹ. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, có căn cứ để chấp nhận cho chị L được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Trần Văn H, sinh ngày 07/4/2008, anh H không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí: Chị Dương Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị L, anh H được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị L
- Xử cho nguyên đơn chị Dương Thị L được ly hôn với bị đơn anh Trần H.
2. Về con chung:

Giao cháu Trần Văn H, sinh ngày: 07/4/2008 cho chị Dương Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Trần

H phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Dương Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị L đã nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0000154, ngày 03 tháng 02 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- UBND xã S;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Tuyết